TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 4 – 2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Chí Tâm**

Ông **Trương Văn Nghĩa**

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Khóm T, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm TC, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày như sau:***

Vào ngày 06/4/2016, tôi và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dan xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Trong ngày cưới gia đình hai bên có cho 01 lượng vàng (đã xài hết). Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/10/2016 con hiện sống với tôi. Thời gian chung sống vợ chồng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung. Tôi và anh T không còn sống chung đã hơn 01 năm lý do anh T đi làm rồi sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Tôi yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/10/2016 và tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Tôi không yêu cầu xem xét, giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.***

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, còn bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Thanh T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình mới sống chung thì vui vẻ hạnh phúc đến hơn 01 năm thì chị Y cho rằng anh T có người phụ nữ khác xét thấy hôn nhân của anh chị đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, anh T vắng mặt không có ý kiến trình bày căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y cho chị Y ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Y và anh T sống chung có con tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/10/2016 chị Y yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi ly thân thì cháu Bảo đã sống cùng chị Y, tránh để xáo trộn cuộc sống của cháu nên đề nghị giao con cho chị Y nuôi. Về cấp dưỡng chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 06/4/2016 chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Thanh T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Quá trình sống chung cũng đầm ấm, hạnh phúc anh chị cũng đã có con chung nhưng đến năm 2022 chị Y và anh T đã ly thân. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng chị Y cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa, chị và anh T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người muốn xây dựng cuộc sống riêng. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị Y và anh T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn chung sống với nhau, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Y và anh T trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Thanh T sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/10/2016 con hiện sống với chị Y. Nhận thấy từ khi anh chị ly thân đến nay chị Y đã nuôi con, cháu vẫn phát triển bình thường, nay chị Y yêu cầu nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/10/2016 cho chị Y nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Thanh T, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở anh T thực hiện hợp pháp quyền này.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Yến Nhi phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/10/2016 cho chị Nguyễn Thị Y chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Thanh T, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Y không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007322 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như chị Y đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- *Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;*
- *VKSND thị xã Ngã Năm;*
- *Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND M;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**